

**TINH THẦN ‘TỨ HẢI GIAI HUYNH ĐỆ’ QUA THƠ
CỦA SỨ THẦN VIỆT NAM TRIỀU NGUYỄN
VIẾT TẶNG SỨ THẦN TRIỀU TIÊN
TẠI DỊCH QUÁN TRIỀU ĐÌNH TRUNG QUỐC**

NGUYỄN CÔNG LÝ*

Tóm tắt: Do hoàn cảnh lịch sử và bối cảnh địa chính trị văn hoá mà thời trung đại trong quan hệ bang giao với các nước khu vực văn hoá đồng văn, từ thế kỷ XV trở đi, tại triều đình phong kiến Trung Quốc, các sứ thần Việt Nam đã có sự giao lưu văn hoá với các sứ thần Triều Tiên và Lưu Cầu (Nhật Bản). Bài viết này sẽ đi sâu giới thiệu tinh thần “tứ hải giai huynh đệ” qua thơ của sứ thần Việt Nam triều Nguyễn (thế kỷ XIX) viết tặng sứ thần Triều Tiên tại dịch quán của triều đình Trung Quốc.

Từ khoá: Thơ văn xướng họa, giao lưu văn hoá, sứ thần Việt Nam, triều Nguyễn, sứ thần Triều Tiên, triều đình Trung Quốc

Abstract: Due to historical circumstances and cultural geo-political contexts, during the medieval period, in relations with countries in the same script-based cultural region, from the fifteenth century onwards, at the Chinese feudal court, Vietnamese envoys had cultural exchanges with the envoys of Korea and then Ryukyu (Japan). This article will explore the spirit of "Universal brotherhood" through poetry written by Vietnamese envoys of the Nguyen Dynasty (nineteenth century) for the Korean envoys at the reception station of the Chinese court.

Keywords: Literature exchange, cultural exchange, Vietnamese envoys, Nguyen dynasty, Korean envoys, Chinese court

1. Do hoàn cảnh lịch sử và bối cảnh địa chính trị - văn hoá mà thời trung đại, các vương triều phong kiến Việt Nam đã có mối quan hệ bang giao với Trung Quốc và các nước thuộc khu vực văn hoá đồng văn, trong đó có Cao Ly (Triều Tiên). Mối quan hệ của hai quốc gia có thể bắt đầu từ đầu thế kỷ XIII, khi nhà Trần thay thế nhà Lý vào năm 1225, để sau đó các hoàng tộc nhà Lý như Lý Dương Côn, Lý Long Tường cùng gia nhân vượt biển sang Cao Ly.

Về sau, mối quan hệ bang giao Việt - Triều này được diễn ra tại trạm dịch ở kinh đô của các vương triều Trung Quốc dành cho các phái đoàn sứ bộ các nước, qua phương tiện bút đàm, nhằm quảng bá văn hóa và trao đổi thông tin, hoặc bày tỏ tình cảm hữu nghị, với tinh thần xem bốn bề đều là anh em một nhà (tứ hải giai huynh đệ) của Nho gia trong khu vực văn hóa đồng văn.

* PGS.TS, nguyên GVCC., Trường ĐH KHXH & NV, Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh

Tư liệu hiện có cho biết, trong lịch sử bang giao Việt - Triều có đến 16 lần các sứ thần hai nước gặp gỡ đàm đạo, xướng họa thơ văn tại Bắc Kinh (Trung Quốc). Cuộc gặp gỡ bang giao đầu tiên là giữa Lương Như Hộc (?-?, Việt Nam) với Từ Cư Chính (1420-1488, Joseon/Triều Tiên) vào năm 1459. Tiếp theo, dưới các triều đại Hậu Lê (1428-1527), Mạc (1527-1677), Lê Trung hưng (1533-1788) của Việt Nam, các sứ thần nước ta đã gặp gỡ, bút đàm xướng họa thơ văn với các sứ thần Triều Tiên có đến 11 lần nữa. Sang triều Nguyễn (1802-1945), từ năm 1819 dưới đời vua Gia Long (1802-1820) cho đến năm 1870 dưới đời vua Tự Đức (1847-1883) có đến bốn lần sứ thần của hai nước gặp gỡ tại dịch trạm ở kinh đô nhà Thanh và xướng họa thơ văn.

Trước đây, trên các tạp chí chuyên ngành, có một số bài viết về thơ xướng họa giữa các sứ thần hai nước Việt - Triều với những thống kê về tác giả, số lượng bài thơ chưa đầy đủ và không thống nhất là do tình hình sưu tầm tư liệu.

Trên cơ sở tư liệu hiện có, bài viết này sẽ đi sâu giới thiệu có hệ thống vấn đề vừa nêu nhằm góp phần bổ khuyết thêm.

2. Tìm hiểu về thơ văn xướng họa giữa các sứ thần Việt Nam và Triều Tiên qua các triều đại, trước đây đã được các nhà nghiên cứu công bố khoảng mười mấy bài trên *Tạp chí Văn học*, *Tạp chí Hán Nôm*, *Nghiên cứu Đông Bắc Á* của các tác giả Bùi Duy Tân, Nguyễn Minh Tường, Nguyễn Đức Huệ, Phạm Quang Ái, Trịnh Khắc Mạnh, Lý Xuân Chung..., và Lý Xuân Chung còn có một luận án

Tiến sĩ dày dặn 217 trang *Nghiên cứu đánh giá thơ văn xướng họa của các sứ thần hai nước Việt Nam - Hàn Quốc* (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2009). Riêng giới thiệu về thơ của các sứ thần triều Nguyễn gửi các sứ thần Triều Tiên thì trong các bài viết của Nguyễn Minh Tường, Lý Xuân Chung có nhắc đến, nhưng vẫn còn thiếu; công trình giới thiệu đầy đủ phải kể đến là *Thơ văn xướng họa giữa các sứ thần Việt Nam - Triều Tiên* NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019 của Trịnh Khắc Mạnh chủ biên, bên cạnh tiểu luận khái quát chung, còn có cung cấp nguyên tác, phiên âm, dịch nghĩa đầy đủ văn bản thơ văn của các sứ thần triều Nguyễn gửi các sứ thần Triều Tiên. Còn việc nghiên cứu về thơ tặng đáp của các sứ thần triều Nguyễn gửi các sứ thần Triều Tiên thì trong mấy bài vừa nêu chỉ giới thiệu tổng thể chung, chứ chưa có bài nào giới thiệu hay nghiên cứu riêng.

1. Về các lần gặp gỡ và xướng họa, số lượng thơ văn của sứ thần Việt Nam gửi sứ thần Triều Tiên qua các triều đại, do tình hình sưu tầm tư liệu, nên có một vài nhà nghiên cứu thống kê chưa đầy đủ. Chẳng hạn, Nguyễn Minh Tường trong bài “Một số cuộc tiếp xúc giữa sứ thần Việt Nam và sứ thần Hàn Quốc thời trung đại” trên *Tạp chí Hán Nôm* số 6 (85)-2007 thì cho biết có 11 lần gặp gỡ, riêng triều Nguyễn thì chỉ có 02 tác giả là Nguyễn Tư Giản và Nguyễn Thượng Hiền¹. Lý Xuân Chung trong bài “Tiếp xúc giao lưu văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc thời trung đại: những thành tựu nghiên cứu mới” trên *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á* số 4 (84)-2008 thì cho biết có 13 lần gặp gỡ, trong đó có 10 lần xướng họa thơ văn, các sứ

thần Việt Nam viết gởi tặng sứ thần Triều Tiên 92 bài thơ và 11 bài văn, riêng triều Nguyễn thì tác giả cho biết có 02 sứ giả với 03 bài thơ². Trịnh Khắc Mạnh (chủ biên) và Nguyễn Đức Toàn trong *Thơ văn xướng họa giữa các sứ thần Việt Nam - Triều Tiên* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019 thì cho biết sứ giả hai nước có 16 lần gặp gỡ, trong đó các sứ thần Việt Nam viết gởi tặng sứ thần Triều Tiên 126 bài thơ và 17 bài văn, kèm theo ấn ảnh nguyên tác thơ văn đầy đủ, riêng dưới triều Nguyễn thì có 09 bài thơ và 03 bài văn của 04 tác giả³.

Sau đây là thơ văn của các sứ thần triều Nguyễn nước ta viết tặng tiễn các sứ thần Triều Tiên trong những lần gặp gỡ tại trạm dịch của triều đình nhà Thanh ở Bắc Kinh (Trung Quốc) trên cơ sở của tinh thần “tứ hải giai huynh đệ”.

2.1. Cuối triều vua Gia Long (1802-1820), năm 1819, triều đình nhà Nguyễn cử Đinh Tường Phủ 丁翔甫 (?-?) đi sứ nhà Thanh, tại đây, ông có viết hai bài thơ gởi sứ thần Triều Tiên (chưa rõ tên sứ thần được nhận thơ). Bài thứ nhất:

東朝鮮國使

幾得人生此會篷，與君相隔海天東。
明堂久在觀賓列，洪範曾[?]道化宗。
文字不教天壤別，柔懷正喜一家同。
天涯蕪道無知己，聲氣由來各類從。

Giản Triều Tiên quốc sứ

Kỷ đắc nhân sinh thử hội phùng, Dữ quân tương cách hải thiên đông.

Minh đường cửu tại quan tân liệt, Hồng phạm tằng [?] đạo hoá tông.

Văn tự bất giao thiên nhượng biệt, Nhu hoài chính hỷ nhất gia đồng.

Thiên nhai vu đạo vô tri kỷ, Thanh khí do lai các loại tông⁴.

(**Gởi sứ thần nước Triều Tiên - Đòi người** mấy khi được gặp gỡ như thế này,/ Tôi với ông cách xa nhau hẳn một biển trời phía đông. / Từ lâu đã là hàng tân khách triều hội chôn minh đường (là nơi thiên tử cho triều hội chư hầu và cử hành các lễ phong thưởng, khánh tiết). / Đều cùng chung một gốc cùng học theo giáo hoá ghi trong Hồng phạm⁵. / Văn tự không xiêm vì trời đất khác biệt, / Đạo nhu hoài⁶ mừng là cùng một nhà. / Nơi góc bể chân trời trên con đường hoang vắng không người tri kỷ, / Nhưng đều vì thanh khí cùng loại mà tìm đến với nhau. (tức “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”, cùng tiếng thì ứng với nhau, cùng loại thì gắn với nhau, chỉ sự đồng cảm đồng điệu, người cùng chí hướng thì thường tìm đến nhau).

Bài thơ ý nói tuy sứ giả hai nước ở cách xa nhau cả trời biển, nhưng đều cùng là khách triều hội chôn minh đường tại thiên triều, cùng học theo một giáo hóa “thư đồng văn, xa đồng quy”, và cùng là tri kỷ đồng cảm đồng điệu bởi “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”.

Bài thứ hai: 再柬

世間開口若難逢，客路迢迢東復東。
萍水有緣成會晤，川流無處不朝宗。
[會遇?]

生來言語雖相別，道在詩書是則同。
願把新篇留雅好，他年相見更何從。

Tái giản

Thế gian khai khẩu nhược tương phùng, Khách lộ điều điều đông phục đông.

*Bình thủy hữu duyên thành hội ngộ,
Xuyên lưu vô xứ bất triều tông.*

*Sinh lai ngôn ngữ tuy tương biệt, Đạo
tại Thi Thư thị tắc đồng.*

*Nguyện bả tân thiên lưu nhĩ hảo, Tha
niên tương kiến cánh hà tung⁷.*

(**Lại gửi** - Người đời mở miệng đã nói gặp gỡ nhau thật là khó,/ Khách đường xa xôi trời đông lại gặp trời đông./ Bèo nước có duyên thành ra gặp nhau,/ Dòng chảy nơi đâu cũng đều từ nguồn./ Sinh ra ngôn ngữ tuy khác biệt,/ Nhưng đạo Thi Thư lại tương đồng./ Nguyện đem bài thơ mới này để lưu lại tình hiếu hảo tốt đẹp,/ Năm nào gặp gỡ càng biết đến nhau hơn).

Theo thông lệ của triều đình nhà Thanh thì ba năm một lần, cứ đến mùa đông, sứ thần các nước chư hầu phải về triều đình thiên tử để tuế cống và nhận sắc mệnh. Do vậy, sứ thần các nước mới có dịp gặp gỡ nhau, cùng giao lưu văn hóa, bút đàm xướng họa thơ văn, lưu lại tình hữu hảo tốt đẹp. Đó là cái duyên. Trong bài thơ gửi tặng, một lần nữa, Đinh Tường Phủ nhắc đến chuyện văn hóa đồng văn mà hai nước cùng chịu ảnh hưởng.

Theo tư liệu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, hai bài thơ trên của Đinh Tường Phủ được chép trong tập *Cổ Hoan Khê Đình Đình Tường Phủ sứ trình thi tập* 古鶴溪亭丁翔甫使程詩集, mà tập thơ này được chép chung trong tác phẩm *Bảo triện Hoàng giáp Trần công thi tập* 寶篆黃甲陳公詩集 ký hiệu VHv.1468.

2.2. Phạm Chi Hương 范芝香 (?-1871) đi sứ nhà Thanh năm 1845, có viết *My Xuyên sứ trình thi tập* 郿川使程詩集

ký hiệu A.251, trong đó có chép một bài thơ của ông tặng sứ thần Triều Tiên là Lý Dụ Nguyên 李裕元:

贈朝鮮書狀李學士裕元題扇

使星高照海雲東,王會衣冠萬里通.

望國英華瞻彩鳳,上都春色伴新鴻.

儒書不為重溟隔,聲氣遙知率土同.

相別可能相憶否,客懷聊記月明中.

Tặng Triều Tiên Thư trạng Lý Học sĩ Dụ Nguyên đề phiến

*Sứ tinh cao chiếu hải vân đông,
Vương hội y quan vạn lý thông.*

*Vọng quốc anh hoa chiêm thái phượng,
Thượng đô xuân sắc bạn tân hồng.*

*Nho thư bất vị trùng minh cách,
Thanh khí dao tri suất thổ đồng.*

*Tương biệt khả năng tương ước phủ,
Khách hoài liêu ký nguyệt minh trung⁸.*

(**Đề trên quạt tặng quan Thư trạng Triều Tiên là Học sĩ Lý Dụ Nguyên** - Lối sứ trình đi được ngôi sao cao rọi chiếu cả vùng mây biển phía đông,/ Đắt Vương hội cùng hàng áo mũ thông đường muôn vạn dặm./ Trông về anh hoa nước lớn như ngắm vẻ đẹp loài chim phượng quý,/ Chón kinh đô sắc xuân trang điểm quán lấy bóng chim hồng./ Sách vở đạo Nho không vì biển khơi xa mà cách trở,/ Thanh khí xa xa đã biết cũng theo phong hoá đất nhà vua./ Chia tay từ biệt có hay lòng mong nhớ không,/ Lòng khách hoài mong xin gửi theo ánh trăng trong).

Bài thơ của Phạm Chi Hương đề trên quạt gửi tặng quan Học sĩ Triều Tiên đã nhắc đến hành trình đi sứ muôn vạn dặm của phái đoàn sứ bộ nước bạn. Đến kinh đô thiên triều được tiếp xúc tình hoa văn

hóa chẳng khác nào như ngắm vẻ đẹp chim phượng, với sắc xuân trang điểm quần lầy bóng chim hồng. Bài thơ còn ca ngợi phong hóa, sách vở đạo Nho, rồi khép lại bằng nỗi niềm mong nhớ của hai sứ giả lúc chia tay từ biệt.

2.3. Nguyễn Tư Giản 阮思簡 (1822-1890) đi sứ nhà Thanh năm 1868, viết hai tập: *Yên thiều thi thảo* 燕輶詩草, ký hiệu VHv.1436 và *Yên thiều bút lục* 燕輶筆錄 ký hiệu A.852. Trong *Yên thiều thi thảo* 燕輶詩草, Nguyễn Tư Giản 阮思簡 viết hai bài tặng Kim Hữu Uyên 金有淵, Nam Đình Thuận 南廷順 và Triệu Bình Cảo 趙秉鎬.

Bài thứ nhất: 東朝鮮國使臣金有
南廷順趙秉鎬狀元

邈爾東南海,相逢燕薊中。
侯門未半面,問俗本三同。
箕尾分星象,衣冠見古風。
春風馬訾水,莫早促歸鴻。

Giản Triều Tiên quốc sứ sứ thần Kim Hữu Uyên, Nam Đình Thuận, Triệu Bình Cảo Trạng nguyên

Mạo nhĩ đông nam hải, Tương phùng Yên Kế trung.

Hầu môn vị bán diện, Vấn tục bản tam đồng.

Cơ Vĩ phân tinh tượng, Y quan kiến cổ phong.

Xuân phong mã tư thủy, Mạc tảo xúc quy hồng⁹.

(Gửi thư cho sứ thần nước Triều Tiên là Kim Hữu Uyên, Nam Đình Thuận và Trạng nguyên Triệu Bình Cảo - Xa xôi cách biệt, biển đông với biển nam,/ Gặp nhau giữa vùng đất Yên

Kế này./ Tiếp cửa bậc hiền quý còn chưa dám lộ nửa mặt,/ Hỏi thăm phong tục thì có ba điều tương đồng./ Phân chia khu vực theo sao Cơ sao Vĩ / Áo mũ càng thấy được cốt cách cổ phong./ Gió xuân như thúc giục vó ngựa tìm bến nước,/ [Đâu bằng lòng ta] như cánh chim hồng thôi thúc chưa được sớm về.)

Tại kinh đô thiên triều (vùng đất Yên Kế), sứ thần hai nước khi gặp gỡ giao tiếp luôn luôn khiêm kính nhau, giữ ý tứ bằng cách lấy tay che nửa mặt, nhưng trong lòng đã tương thông, và ngày sau dù gặp lại vẫn nhận ra nhau (điển tích này lấy từ *Ứng Phụng truyện* trong *Hậu Hán thư - 應奉傳, 後漢書*). Theo sứ thần Nguyễn Tư Giản thì trong tình bạn văn nhân quân tử có ba điều tương hợp (tam đồng) với nhau: đồng tuế, đồng khoa, đồng chức; cũng có thể hiểu ‘tam đồng’ là đồng văn, đồng quỹ, đồng đạo (cùng văn tự, cùng cỡ trục xe và chế độ áo mũ, cùng sùng thượng Nho học), dù cương vực lãnh thổ của hai nước có sự phân chia khác nhau theo quan niệm của Kinh Dịch. Bài thơ khép lại bằng nỗi lòng thôi thúc muốn được về nước của các sứ giả.

Bài thứ hai: 送朝鮮使臣金有淵等
歸國並柬

傾蓋燕臺樂未終,泥鴻去影以怱怱。
歸心鴨綠花開外,清夢龍池柳色中。
萬里關山難送客,四州人物幾同風。
別君更憶虬髯傳,西海如今漸向東。

Tổng Triều Tiên sứ thần Kim Hữu Uyên đặng quy quốc tịnh giản

Khuynh cái Yên đài lạc vị chung, Né hồng khứ ánh dĩ thông thông.

*Quy tâm Áp Lục hoa khai ngoại,
Thanh mộng Long Trì liễu sắc trung.*

*Vạn lý quan sơn nan tổng khách, Tứ
châu nhân vật kỷ đồng phong.*

*Biệt quân canh ức Cầu Nhiêm truyện,
Tây hải như kim tiệm hướng đông¹⁰.*

(Tiễn sứ thần Triều Tiên là Kim Hữu Uyên về nước cùng trình dâng -
Cùng nghiêng tán ở Yên đài, vui mừng còn chưa hết,/ Bóng dấu chim hồng đã vội vàng bay đi mất./ Lòng mong về nước, nhớ sông Áp Lục cánh hoa tươi nở,/ Với giấc mộng thanh nhàn giữa màu liễu bên ao Long Trì./ Cửa ải núi non muôn dặm khôn xiết tiễn nổi lòng khách (khó tiễn khách),/ Người và cảnh vật bốn châu cơ hồ phong tục giống nhau cả./ Từ biệt ngài lại càng thêm nhớ câu chuyện Cầu Nhiêm,/ Biển tây ngày nay cũng dần xuôi hướng đông).

Trong bài thơ, tác giả có nhắc đến một số tên riêng và dùng một điển tích. Áp Lục là tên con sông ở giữa Triều Tiên, bắt nguồn từ dãy núi Trường Bạch phía đông nam tỉnh Cát Lâm chảy ra biển Hoàng Hải. Long Trì là tên cái ao ở cung điện, đồng thời chỉ nơi làm việc của các quan lại của triều đình. Cầu Nhiêm (Cù Nhiêm Khách) là điển tích trong tiểu thuyết truyền kỳ của Trung Quốc, có nhân vật tên là Trương Tam, râu đỏ nên xưng là Cù Nhiêm Khách, kết bạn với Lý Tĩnh. Cuối đời Tuỳ loạn lạc, ông cũng muốn tranh hùng với thiên hạ. Lý Tĩnh gặp được Đường Thái Tông đích thực là chân mệnh thiên tử nên theo phò, Cù Nhiêm Khách biết mình không bằng Đường Thái Tông để tranh hùng ở Trung nguyên nên lui về, ra tự lập ở nước

Phù Du. Ông chia tay Lý Tĩnh, giao hết của cải để cho Tĩnh giúp chân chúa, hẹn ngày thành đạt về sau. Từ đó, tác giả thể hiện tình cảm của mình đối với sứ thần nước bạn, bộc lộ mong ước được mau chóng trở về lại quê hương.

Còn trong *Yên thiều bút lục* 燕軺筆錄, ông có ghi lại một bài văn viết về sự đi lại giao lưu giữa hai phái đoàn sứ bộ Việt - Triều.

2.4. Phạm Hy Lượng 范熙亮 (1834-1886) đi sứ nhà Thanh năm 1870, có bốn bài thơ xướng hoạ với sứ thần Triều Tiên là Lý Dụng Túc 李用肅 (Lý Cúc 李菊), được chép trong *Bắc minh sở vũ ngẫu lục* 北冥雜羽偶錄 ký hiệu VHv.19 và một đoạn văn đối đáp với Lý Dụng Túc có ghi lại trong *Phạm Ngư Đường bắc sà (tra) nhật ký* 范魚堂北槎日記 ký hiệu A.848.

Bài thứ nhất: 東朝鮮李菊人

[名容肅(用肅),亦能爲詩.奉國命來,領年憲書.其國例每歲孟冬差官受正.]

神京望片雲,英曆厭三分.

館餐仍爲客,臺緇卻遇君.

天涯締雅好,宇內慰同文.

此後東南海,鴻書可與聞.

Giã Triều Tiên Lý Cúc nhân

[Danh Dung Túc (Dụng Túc), diệc năng vi thi. Phụng quốc mệnh lai, lĩnh Niên hiến thư. Kỳ quốc mỗi tuế mạnh đông sai quan thụ chính].

Thần kinh vọng phiến vân, Anh lịch yển tam phân.

Quán xán nhưng vi khách, Đài truy khước ngộ quân.

Thiên nhai đế ngã hảo, Vũ nội uỷ đồng văn.

*Thử hậu đông nam hải, Hồng thư khả dữ văn*¹¹.

(Tặng ông Lý Cúc người Triều Tiên
- [Ông tên Dung Túc (Dụng Túc), lại hay thơ. Vâng mệnh nước sang Yên Kinh dâng thư. Lệ nước này hàng năm đầu đông sai quan nhận chính sóc vua ban.]

Nơi Thần kinh trông ngóng đám mây bay,/ Lịch cho biết ba mùa đã hết./ Nơi quán xá vẫn còn làm lữ khách,/ Mà chốn đài báu phương bắc được gặp ngài./ Người nơi chân trời gặp gỡ kết tình bạn cao nhã,/ Trong nước được an ủi là đôi bên cùng chữ viết./ Về sau cách biệt biển đông biển nam,/ Chờ tin nhau qua thư cánh chim hồng).

Theo lệ của triều đình nhà Thanh cứ mỗi ba năm, đầu mùa đông, triều đình các nước phiên thuộc phải cử phái đoàn sứ bộ đến kinh đô thiên triều để tuế cống và nhận lịch pháp do thiên tử ban hành, tức là các nước phải quy phục vâng theo lịch vua. Chính tại nơi dịch quán của thiên triều, sứ thần hai nước mới gặp gỡ nhau và kết tình cao nhã, xướng họa thơ văn qua bút đàm, bởi cả hai đều có cùng văn hóa đồng văn, dù sau đó phái đoàn về nước trong cảnh biển trời cách biệt, nhưng vẫn mong chờ tin tức của nhau.

Bài thứ hai: 詠雪次菊人韻

彤雲昨日正昏昏,纔到飛花景色翻。
雙闕城臨寒玉島,萬家樹入早梅村。
祈年魚夢秋同兆,作客貂裘敝亦溫。
煎向茶甌清俗念,詩懷何必假金樽。

Vịnh tuyết thứ Cúc nhân vận

Đông vân tạc nhật chính hôn hôn,/ Tài đảo phi hoa cảnh sắc phiên.

Song khuyết thành lâm hàn vương đảo,/ Vạn gia thụ nhập táo mai thôn.

Kỳ niên ngư mộng thu đông triều,/ Tác khách điều cừ tộ diệc ôn.

*Tiến hướng trà âu thanh tục niệm,/ Thi hoài hà tất giả kim tôn*¹².

(Vịnh tuyết nổi văn ông Cúc nhân
Mây đỏ hôm qua chìm trong lúc tối mờ mờ,/ Lại thấy hoa bay làm cho cảnh sắc đổi thay./ Nơi đô thành cung báu như chốn vương đảo lạnh lẽo,/ Cây muôn nhà như vẽ cảnh thôn mai nở sớm./ Năm nay mộng thấy cá, mong điềm mùa thu cũng được như thế,/ Làm khách nơi xa, có chiếc áo điều cừ che thân cũng ấm./ Pha ấm trà để thanh lọc đi niệm phàm tục./ Có lòng thơ, hà tất phải chén vàng quý báu).

Bài thơ đã nói hộ tâm trạng của sứ giả Lý Dung Túc là mong chờ tin nhà và sẽ được trở về bản quốc thông qua hình ảnh nằm mộng thấy cá (ngư mộng). Đây là điềm lành, tức điềm dự báo sẽ được tự do, hay nhận được tin tức nơi quê nhà, hoặc được thiên triều cho hồi quốc.

Bài thứ ba ghi lại việc sứ giả hai nước sắp về nước, sẽ rời xa kinh đô thiên triều, sứ giả nước Nam viết thơ từ biệt ba vị sứ giả nước Đông (Triều Tiên), hai bên hiểu nhau là nhờ có cùng văn tự qua bút đàm:

將出京,東別長白王孝廉(東果),湖北伍委員(敬之),朝鮮李菊人諸友

天安門外即人間,烏樞丹楓入望殷。
難得鳴鷄慰風雨,又催駟指駕鄉關。
星霜話別人千里,文字論交管一班。
若記帝城分袂後,相思兩地到顏顏。

Tương xuất kinh, gián biệt Trường Bạch Vương Hiếu Liêm (Đông Cảo),

Hồ Bắc Ngũ Uy Viên (Kính Chi), Triều Tiên Lý Cúc nhân chư hữu

*Thiên An môn ngoại tức nhân gian, Ô
cửu đan phong nhập vọng ân.*

*Nan đắc minh kê uỷ phong vũ, Hựu
thôi nhân chỉ giá hương quan.*

*Tinh sương thoai biệt nhân thiên lý,
Văn tự luận giao quân nhất ban.*

*Nhược ký để thành phân duệ hậu,
Tương tư lưỡng địa đảo đôi nhan¹³.*

(Sắp rời kinh đô, gửi thư tạm biệt các bạn là Vương Hiếu Liêm (Đông Cảo) người Trường Bạch, Ngũ Uy Viên (Kính Chi) người Hồ Bắc, Lý Cúc người Triều Tiên - Ngoài cửa Thiên An đã là cõi nhân gian,/ Hàng ô cửu, hàng phong lá thắm đỏ trông mong đã nhiều./ Khó nghe được tiếng gà gáy an ủi tác lòng trong mưa gió,/ Lại thôi thúc vó ngựa hướng về nơi quê xa./ Lúc tinh sương nói lời từ biệt nghìn dặm với bè bạn,/ Cùng dùng chữ viết để bàn bạc giao tiếp với nhau./ Nhớ đến chuyện sắp rời xa kinh đô khi dứt áo chia tay,/ Hai vùng xa cách thương nhớ đến gầy mòn dung nhan).

Bài thứ tư được Phạm Hy Lượng viết gởi tặng sứ giả Triều Tiên là Lý Dụng Túc (Lý Cúc), trước khi về lại nước, sứ giả Triều Tiên có mời sứ giả nước Nam đến tham điểm uống trà, để tỏ lời từ biệt đậm tâm chân tình:

口占贈菊人

[菊人亦以後數日歸東,邀就參店賦別]
旅館茶瓶柳影斜,行人次第各驅車。
此情同對天邊月,海隔東南自一家。

Khẩu chiếm tặng Cúc nhân

(Cúc nhân diệc dĩ hậu số nhật quy
đông, yêu tự tham điểm phú biệt)

*Lữ quán trà bình liễu ảnh tà, Hành
nhân thứ đệ các khu xa.*

*Thử tình đồng đối thiên biên nguyệt,
Hải cách đông nam tự nhất gia¹⁴.*

(**Ứng khẩu ngâm tặng ông Cúc nhân** - [Ông Cúc sau vài hôm nữa cũng được về Đông quốc, mời đến tham điểm ngâm lời chia tay] Nơi quán khách, hình ẩm trà nghiêng nghiêng trong bóng liễu,/ Người đi xa lần lượt lên các xe để lên đường,/ Tâm chân tình này cùng có trăng soi tỏ bên trời,/ Mỗi người một nơi xa cách biển Đông với biển Nam).

2.5. Trong bài viết “Một số cuộc tiếp xúc giữa sứ thần Việt Nam và sứ thần Hàn Quốc thời trung đại” trên *Tạp chí Hán Nôm* số 6 (85) 2007, Nguyễn Minh Tường có nêu một thông tin: “vào đầu thế kỷ XX, Nguyễn Thượng Hiền 阮尚賢 (1868-1925) đi sứ sang nhà Thanh năm 1912-1913 có viết thơ tặng cho sứ thần Triều Tiên là Kim Bí Thư 金祕書”. Trong bài viết, tác giả chỉ giới thiệu chung chung như trên, chứ không cho biết nhan đề bài thơ, cũng không chép lại nguyên tác bài thơ cùng nguồn xuất xứ. Chúng tôi đã cố gắng truy tìm văn bản trong các tư liệu gốc nhưng không thấy, và trong công trình *Thơ văn xướng họa giữa các sứ thần Việt Nam - Triều Tiên* của Trịnh Khắc Mạnh cũng không có giới thiệu bài này cũng như thơ đi sứ của Nguyễn Thượng Hiền. Không biết Nguyễn Minh Tường đã căn cứ vào tư liệu nào để thông tin như trên. Chúng tôi đã hỏi nhà nghiên cứu Sử học này nhưng không được hồi đáp.

Lời kết

Trên đây là những bài thơ của các sứ thần Việt Nam triều Nguyễn viết tặng các sứ thần Triều Tiên tại dịch quán của triều đình nhà Thanh (Trung Quốc). Qua các bài thơ, người đọc sẽ cảm nhận được tình cảm chân thành của các sứ giả. Trên tinh thần “thư đồng văn, xa đồng quy” của khu vực văn hóa đồng văn mà các vị sứ thần giải bày nỗi niềm tâm sự khi gặp gỡ hoặc lúc đưa tiễn về lại quê hương bản quốc, với sự luyến lưu bịn rịn khi chia tay, cùng niềm hy vọng sẽ có ngày tái ngộ. Tất cả tình cảm này đều xuất phát từ cốt lõi quan niệm “Tứ hải giai huynh đệ” (Bốn biển đều là anh em) của Nho gia./

N.C.L

Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Minh Tường (2007), “Một số cuộc tiếp xúc giữa sứ thần Việt Nam và sứ thần Hàn Quốc thời trung đại”, *Tap chí Hán Nôm*, số 6 (85), tr.3-12.
2. Lý Xuân Chung (2008), “Tiếp xúc giao lưu văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc thời trung đại: những thành tựu nghiên cứu mới”, *Tap chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 4 (84), tr.46-57.
3. Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Đức Toàn (2019), *Thơ văn xướng họa giữa các sứ thần Việt Nam - Triều Tiên*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Đức Toàn (2019), sđd, tr.296-297.
5. Một thiên trong *Kinh Thư* trình bày các phép lớn của việc trị nước thời cổ đại.
6. ‘Nhu hoài’ hay ‘nhu viễn’, tức vỗ về những người ở phương xa, những quốc gia xa xôi. *Kinh Thư*, thiên *Thuấn điển* có viết ‘Nhu viễn năng nhĩ’ 揉遠能邇. Khổng Dĩnh Đạt giải thích: Nhu là làm cho yên ổn; Nhĩ là gần.
- Ý nói: Nếu như có thể làm yên ổn những nơi xa xôi thì cũng có thể làm yên ổn những nơi gần gũi xung quanh, vỗ về khiến cho họ đều quy thuận.
7. Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Đức Toàn (2019), sđd, tr.298.
8. Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Đức Toàn (2019), sđd, tr. 300, 301.
9. Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Đức Toàn (2019), sđd, tr.302, 303.
10. Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Đức Toàn (2019), sđd, tr.306-307.
11. Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Đức Toàn (2019), sđd, tr.308-309.
12. Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Đức Toàn (2019), sđd, tr.310-311.
13. Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Đức Toàn (2019), sđd, tr.311-312.
14. Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Đức Toàn (2019), sđd, tr.313 - 314.
15. 丁翔甫,古鶴溪亭丁翔甫使程詩 (Đình Tường Phủ, *Cổ Hoan Khê Đình Đình Tường Phủ sứ trình thi tập*) chép trong 寶篆黃甲陳公詩集 (*Bảo triện Hoàng giáp Trần công thi tập*) ký hiệu VHv.1468, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
16. 阮思簡, 燕輶詩草 (Nguyễn Tư Giản, *Yên thiều thi thảo*) ký hiệu VHv.1436; VNCHN.
17. 阮思簡, 燕輶筆錄 (Nguyễn Tư Giản, *Yên thiều bút lục*) ký hiệu A.852, VNCHN.
18. 范熙亮, 北冥雛羽偶錄 (Phạm Hy Lượng, *Bắc minh sở vũ ngẫu lục*) ký hiệu VHv.19, VNCHN.
19. 范熙亮, 范魚堂北槎日記 (Phạm Hy Lượng, *Phạm Ngư Đường bắc sà (tra) nhật ký*) ký hiệu A.848, VNCHN.
20. 范芝香, 鄜川使程詩集 (Phạm Chi Hương, *My Xuyên sứ trình thi tập*) ký hiệu A.251.
21. Bùi Duy Tân (1997), “Những cuộc tao ngộ sứ giả - nhà thơ Việt - Triều trên đất nước

Trung Hoa thời cổ đại”, in trong Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam: *Người Việt Nam ở Triều Tiên và mối giao lưu văn hóa Việt - Triều trong lịch sử*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997.

22. Lý Xuân Chung (2006), “Về hai bài thơ xướng họa giữa sứ thần Việt Nam Vũ Huy Tấn và sứ thần Hàn Quốc Từ Hạo Tu”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 5 (65).

23. Lý Xuân Chung (2009), “Thơ văn xướng họa của các tác gia - sứ giả Việt Nam Hàn Quốc: những thành tựu nghiên cứu về văn bản học”, *Thông báo Hán Nôm học 2009*. NXB. Khoa học xã hội.

24. Lý Xuân Chung, Luận án Tiến sĩ “*Nghiên cứu đánh giá thơ văn xướng họa của các sứ thần hai nước Việt Nam - Hàn Quốc*” Viện Nghiên cứu Hán Nôm, bảo vệ ngày 31/3/2009.

25. Nguyễn Đức Nhuận (2009), “Cuộc tiếp xúc giữa sứ thần Việt Nam Lưu Đình Chất và sứ thần Triều Tiên Lý Đẩu Phong đầu thế kỷ XVII”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (96).

26. Nguyễn Minh Tuấn (1999), “Thêm bốn bài thơ xướng họa giữa Lê Quý Đôn và sứ thần Triều Tiên”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4 (41).

27. Nguyễn Minh Tường (2009) “Cuộc tiếp xúc giữa sứ thần Đại Việt Lê Quý Đôn và sứ thần Hàn Quốc Hồng Khải Hy, Triệu Vinh Tiến, Lý Huy Trung tại Bắc Kinh năm 1760”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (92).

28. Nguyễn Thanh Tùng, “Một dấu mốc bị quên lãng: Về sự hiện diện của văn học Korea ở Việt Nam thế kỷ XV”. <http://nguvan.hnue.edu.vn/Nghiencuu/VanhocVietNamtrungdai/tabid/102/newstab/353/Default.aspx>;

29. Phạm Quang Ái (2012), “Hoan Nam sứ giả Nguyễn Đề xướng họa cùng sứ thần Triều Tiên”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3 (112).

30. Shimizu Taro, “Cuộc gặp gỡ sứ thần của Việt Nam và Triều Tiên ở Trung Quốc, trọng tâm là chuyện xảy ra trong thế kỷ XVIII”, Lương Thị Thu dịch - Nguyễn Thị Oanh hiệu đính (2001), *Tạp chí Hán Nôm*, số 3 (48).

31. Trịnh Khắc Mạnh - Nguyễn Đức Toàn (2012), “Thêm hai sứ thần Đại Việt có thơ xướng họa với sứ thần Joseon”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (114).

32. Trịnh Khắc Mạnh (2013), “Khảo sát thơ văn xướng họa của các sứ thần hai nước Việt - Hàn thời kỳ trung đại”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (117).